

**CÔNG TY TNHH NGHINH LỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGHINH LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801279260

**3. Ngày thành lập:** 26/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 15, Ấp 9, Xã Lộc Thái, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0945253333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4511     |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                              | 4512     |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4513     |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết : Dịch vụ bảo hành, sửa chữa xe ô tô                                                                                                                                                                                                          | 4520     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4530     |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                    | 4543     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết : Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 11. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết : Bán buôn thóc, lúa mì, ngô, hạt ngũ cốc, hạt tiêu, hạt điều, khoai mì các loại hạt khác (Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                | 4620     |
| 12. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                           | 4631     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, bán buôn thủy sản, bán buôn rau quả, bán buôn cà phê, bán buôn chè, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm khác | 4632 |
| 14. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết : Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn                                                                                                                                                                                                   | 4633 |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                     | 4641 |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                       | 4652 |
| 18. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>chi tiết: - Bán buôn dầu thô - Bán buôn xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm có liên quan                                                                     | 4661 |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt, thép (trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                    | 4662 |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn vật liệu , thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                  | 4663 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn phân bón; bán buôn hóa chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn cao su; bán buôn các sản phẩm từ cao su, plastic                                                                       | 4669 |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy , nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                             | 8230 |
| 23. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Đào tạo hỗ trợ nội bộ việc thực hiện và phát triển kinh doanh liên quan đến thị trường ô tô , xe ô tô, phụ tùng ô tô các mặt hàng phục vụ cho quá trình sản xuất , bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ       | 8559 |
| 24. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, pháp luật)                                                                                                                                        | 6619 |
| 25. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Dịch vụ bất động sản, tư vấn quản lý bất động sản                                                                                                                                                   | 6820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Trừ tư vấn tài chính, pháp lý, kế toán<br>Chi tiết : Tư vấn thực hiện phát triển kinh doanh liên quan, dịch vụ tư vấn liên quan đến thị trường ô tô, xe ô tô, Phụ tùng ô tô các mặt hàng phục vụ cho quá trình sản xuất, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ | 7020 |
| 27. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết : Giám sát công tác, lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế xây dựng công trình cầu đường                                                                              | 7110 |
| 28. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 29. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 31. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Hoạt động môi giới thương mại                                                                                                                                                                               | 7490 |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 33. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                    | 1410 |
| 34. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                               | 2012 |
| 35. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết : Lắp ráp, sản xuất các loại xe ô tô                                                                                                                                                                                                              | 2910 |
| 36. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                          | 4782 |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                               | 4931 |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 40. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết : Lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết : Dịch vụ khai thuế hải quan                                                                                                                                                                                                      | 5229 |
| 42. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6110 |
| 43. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6120 |
| 44. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết : Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ cho thuê lại lao động)                                                                                        | 7810 |
| 45. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết : Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Trừ hoạt động cho thuê lại lao động)                                                                                                                                                              | 7830 |
| 46. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                             | 8211 |
| 47. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                          | 8219 |
| 48. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |

|     |                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 49. | Xây dựng nhà để ở                                                                                             | 4101        |
| 50. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                       | 4102        |
| 51. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng và công nghiệp | 4299(Chính) |
| 52. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ TÙNG HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/06/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052068000303

Ngày cấp: 23/09/2022

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 158/13 Võ Văn Ngân, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 158/13 Võ Văn Ngân, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ TÙNG HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/06/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052068000303

Ngày cấp: 23/09/2022

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 158/13 Võ Văn Ngân, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 158/13 Võ Văn Ngân, Khu Phố 1, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước